

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Toàn.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh H có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Minh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/10/2011. Thời gian đầu, vợ chồng cùng nhau tạo dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng chỉ được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ đó, giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay giữa chị và anh H không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh H có 02 con chung là Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2013 hiện đang sống với anh H và Lê Nguyễn Nhã H, sinh ngày

18/12/2015, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nhã H, anh H trực tiếp nuôi cháu Gia H, không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2022, bị đơn anh Lê Minh H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về thời gian kết hôn. Do anh thường xuyên lái xe, ít có thời gian ở nhà nên chị T trách anh bỏ bê vợ con. Sau đó chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4/2022 đến nay và vợ chồng anh cũng đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Tuy nhiên, hiện tại anh vẫn còn thương chị T, anh không muốn gia đình đổ vỡ nên không đồng ý ly hôn. Giữa anh và chị T có hai con chung như chị T trình bày. Nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Gia H, chị T tiếp tục nuôi cháu Nhã H, không ai cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Chị T được ly hôn với anh Lê Minh H. Giao con chung là Lê Nguyễn Nhã H, sinh ngày 18/12/2015 con chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T và anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Tài sản chung, nợ chung chị T và anh H trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Lê Minh H có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/10/2011. Chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống với nhau. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng ngày càng trầm trọng hơn do bất đồng quan điểm giữa hai người. Nếu cứ kéo dài tình trạng cuộc sống vợ chồng như hiện tại thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Anh H thì cho rằng do công việc của anh là tài xế thường xuyên vắng nhà nên chị T mới cho rằng anh bỏ bê vợ con, từ đó xảy ra mâu thuẫn và chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và từ tháng 4/2022 đến nay. Hiện tại anh vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh H và chị T đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để động viên chị T và anh H đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đồng thời, chị T đã khẳng định mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Điều này không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia

đình: “*Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...*”. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...*”. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa chị T và anh H đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Ngoài ra, theo tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện trong cuộc sống hôn nhân của chị T và anh H cũng đã xảy ra mâu thuẫn, anh chị thường xuyên cự cãi và xảy ra xô xát với nhau. Anh chị đã ly thân với nhau và chính anh H cũng cho rằng chị T đã bỏ về nhà cha mẹ sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Giữa chị T và anh H có hai con là Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2013 hiện đang sống với anh H và Lê Nguyễn Nhã H, sinh ngày 18/12/2015, hiện đang sống với chị T. Cả chị T và anh H đều thống nhất chị T sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhã H, anh H sẽ tiếp tục nuôi cháu Gia H, không ai phải cấp dưỡng. Xét thấy hiện tại chị T đang nuôi cháu Nhã H, anh H đang nuôi cháu Gia H, đồng thời sau khi được hỏi ý kiến thì cháu Gia H cũng có nguyện vọng muốn được sống với cha. Vì vậy, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống của con nên cần giao cháu Lê Nguyễn Nhã H, sinh ngày 18/12/2015 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2013 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tuy nhiên, chị T và anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T và anh H nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H trình bày thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/9/2013 cho anh Lê Minh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Nguyễn Nhã H, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị T và anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H trình bày thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0011047 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã L,
huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm